

Thứ sáu, ngày 1 tháng 12 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index bật tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/12/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên giao dịch hôm nay, VN-Index đã có một phiên tăng điểm sau phiên điều chỉnh nhẹ vào phiên hôm qua. VN-Index kết phiên tại 1102.16 điểm, tăng 8.03 điểm, tương đương tăng 0.73% so với phiên giao dịch trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm trong đó các ngành Truyền thông (+2.21%), Du lịch và giải trí (+2.05%) ... dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối ngoại bán ròng ở cả hai sàn HSX và HNX với khối lượng lần lượt là 308.81 tỷ và 10.68 tỷ. Hiện tại, VN-Index đang ở vùng hội tụ của nhiều đường MA và vẫn chưa xác nhận xu hướng rõ ràng, tuy nhiên thị trường đang tích lũy với biên độ thu hẹp dần và VN-Index có thể tiếp tục hình thành các mốc tăng giảm xen kẽ trước khi hình thành xu hướng mới. Khuyến nghị Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 1/12/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.03** điểm, đóng cửa **1102.16** điểm. HNX-Index **+0.11** điểm, đóng cửa **226.26** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.7)**, **GAS (+0.69)**, **VNM (+0.52)**, **HPG (+0.51)**, **VJC (+0.47)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.43)**, **PGD (-0.04)**, **TCH (-0.04)**, **PDR (-0.04)**, **CTR (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11334** tỷ đồng, giảm **-13.91%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **12228** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.12 điểm. Thị trường có **254** mã tăng, 101 mã tham chiếu, **227** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-308.81** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-114.35 tỷ)**, **VIC (-94.56 tỷ)**, **FUEVFNVD (-45.48 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.68** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.80%**. Các mã diễn biến tích cực: **VRE (+3.17%)**, **VHC (+2.27%)**, **MSN (+1.65%)**
- BSC50 **+0.71%**. Các mã diễn biến tích cực: **PET (+6.82%)**, **HHV (+3.53%)**, **SSI (+2.24%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	2.21%	Hàng & Dịch vụ	0.55%
Du lịch và Giải trí	2.05%	Dầu khí	0.53%
Thực phẩm và đồ uống	1.51%	Công nghệ Thông	0.44%
Dịch vụ tài chính	1.37%	Hàng cá nhân & Gia	0.26%
Bảo hiểm	1.29%	Bất động sản	0.21%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.15%	Ô tô và phụ tùng	0.16%
Tài nguyên Cơ bản	1.04%	Y tế	-0.24%
Xây dựng và Vật liệu	0.94%	VN30	0.80%
Bán lẻ	0.92%	VNMID	0.78%
Hóa chất	0.63%	VNSML	0.57%
Ngân hàng	0.56%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1102.16**

Giá trị: 11334.3 tỷ **8.03 (0.73%)**

Khối ngoại (ròng): -308.81 tỷ

HNX-INDEX **226.26**

Giá trị: 1347.54 tỷ **0.11 (0.05%)**

Khối ngoại (ròng): -10.68 tỷ

UPCOM-INDEX **85.19**

Giá trị: 301.38 tỷ **0.2 (0.24%)**

Khối ngoại (ròng): -0.12 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	82.8	-0.17%
Giá vàng	2,036	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	24,303	0.18%
Tỷ giá EUR/VND	26,478	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	164.22	0.20%
LS liên NH 1 tháng	1.00%	
LS TPCP 5 năm	1.91%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	18.40	VHM	-114.35
SSI	16.63	VIC	-94.56
GAS	13.53	FUEVFNVD	-45.48
VND	9.77	DXG	-30.75
KDH	9.64	MSN	-23.75

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 30/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.96	-2.44%	0.77%	-4.88%	-3.68%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.83	-0.17%	1.42%	-3.73%	-4.44%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.16	-3.92%	2.03%	2.75%	-4.40%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.80	-0.17%	-8.00%	-22.25%	-59.07%		
TTF Gas	EUR/MWh	42.09	4.29%	-9.54%	-20.15%	-72.43%		
Vàng	Ounce	2,036.47	-0.40%	2.77%	2.45%	15.63%		PNJ
Bạc	Ounce	25.26	0.98%	5.84%	7.26%	12.63%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,342.25	-0.35%	-0.79%	4.91%	-8.79%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.10	-0.06%	-5.95%	-4.45%	-18.76%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	143.30	-0.49%	-1.17%	-0.69%	11.89%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	26.04	-3.05%	-1.32%	0.41%	36.83%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	387.00	0.00%	0.00%	-7.31%	-26.29%		DPM, DCM
Niken	LB	16,899.00	2.17%	2.11%	-9.46%	-38.50%		PC1
Đồng	LB	3.83	1.19%	0.96%	3.85%	1.62%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,580.00	5.74%	9.91%	-4.31%	-7.51%		CSV
Thép	CNY/ton	3,886.00	-0.46%	-2.06%	5.31%	4.25%		HPG
Nhôm	Ton	2,200.00	-0.63%	0.14%	-1.99%	-10.33%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô WTI giao tháng 1/2024 tại thị trường New York giảm 1.9 USD/thùng, tương đương giảm 2.44%, còn 75.96 USD/thùng. Giá dầu Brent giao sau tại London giảm 0.27 USD/thùng, tương đương giảm 0.17%, còn 82.83 USD/thùng.
- Giá dầu thô giảm sau hai phiên tăng mạnh liên tiếp, dù Saudi Arabia kéo dài kế hoạch cắt giảm sản lượng khai thác dầu.

Giá vàng

- Chốt phiên giao dịch, giá vàng giao ngay giảm 0.4% xuống 2,036.47 USD/ounce sau khi lên cao nhất gần 7 tháng trong phiên 29/11. Giá đã tăng 2.7% trong tháng 11. Giá vàng giao tháng 12 kết thúc phiên cuối tháng 11 ở 2,057.2 USD, giảm 0.5%.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (30/11) nhưng đã ghi nhận tháng tăng thứ hai liên tiếp.nhờ triển vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể sớm hạ lãi suất cũng cố sức hấp dẫn của kim loại quý.

Quặng sắt

- Quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trong tháng 1 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên DCIOcv1 của Trung Quốc đã giảm 0.5% xuống 955.5 Nhân dân tệ (134.17 USD)/tấn. Trong khi đó, giá quặng sắt chuẩn tháng 1 SZZFF4 trên sàn giao dịch Singapore tăng 0.8% ở mức 128.40 USD/tấn sau khi giảm tới 3% trong phiên trước.
- Theo các nhà phân tích đã nâng ước tính của họ về kỳ vọng nhu cầu gia tăng ở Trung Quốc sau các biện pháp kích thích gần đây, giá quặng sắt vận chuyển bằng đường biển có thể tăng lên tới 150 USD/tấn trong nửa đầu năm 2024.

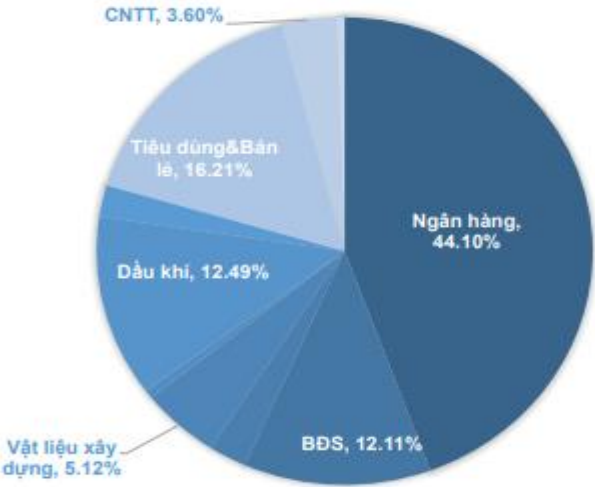
Giá hàng hóa khác

- Giá gạo trắng Thái Lan 5% tằm đã tăng 57 USD/tấn trong hai tuần qua lên 640 USD/tấn sau một thời gian tương đối ổn định. Mức giá này gần chạm ngưỡng cao nhất kể từ tháng 10/2008. Cột mốc này từng đạt được vào đầu tháng 8 trong bối cảnh hạn chế xuất khẩu sâu rộng từ nhà xuất khẩu hàng đầu Ấn Độ.
- Giá cà phê arabica giao tháng 3/2024 tại New York ở mức 184.7 US cent/pound sau khi tăng 6.95% (tương đương 12 US cent) tại thời điểm khảo sát vào lúc 7h00 (giờ Việt Nam).

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	85.0	0.4%	1.0	19,583	2.5	5,797	14.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	39.4	1.4%	0.7	9,258	1.2	4,025	9.8	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.3	1.0%	1.0	6,312	3.9	1,727	11.2	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	29.8	0.8%	1.5	4,320	3.3	5,059	5.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	17.8	0.0%	1.3	3,826	3.2	3,496	5.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.5	0.0%	0.9	2,137	15.5	3,600	7.6	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	0.8%	1.6	3,322	1.0	714	28.2	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	31.6	1.4%	1.6	998	7.2	4,368	7.2	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	49.0	0.0%	1.4	666	2.2	3,969	12.3	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	55.2	1.3%	1.7	1,020	2.1	2,651	20.8	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.9	1.3%	1.7	6,448	17.1	(328)	-82.0	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	40.9	-1.0%	1.5	7,341	11.8	10,341	4.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	22.8	3.2%	1.3	2,136	2.4	1,588	14.4	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	31.6	1.1%	1.7	1,040	1.0	1,280	24.6	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	37.2	0.5%	1.3	590	2.0	1,582	23.5	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	95.1	0.6%	1.5	1,489	6.6	10,728	8.9	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	33.2	0.8%	0.9	536	2.3	6,403	5.2	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	32.0	0.0%	1.2	698	3.7	4,286	7.5	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	77.7	1.6%	0.7	7,356	1.6	5,567	14.0	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	0.3%	1.0	1,844	1.3	2,125	16.6	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	38.8	0.5%	1.2	764	7.8	1,953	19.9	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.4	1.2%	1.3	650	4.6	449	63.1	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.3	0.4%	0.8	1,091	1.2	602	18.8	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	68.4	1.5%	0.6	5,892	3.9	3,935	17.4	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	61.5	1.7%	1.4	3,627	2.7	916	67.2	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	38.8	0.6%	1.6	2,336	6.6	1,069	36.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.3	-0.2%	0.7	1,086	1.0	5,503	14.6	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	67.5	2.3%	0.8	520	0.8	7,080	9.5	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	70.2	0.0%	0.6	885	1.8	7,470	9.4	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	92.4	0.5%	0.7	4,837	4.5	4,573	20.2	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	26.3	0.00%	0.9	5,822	2.1	3,664	7.2	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.0%	0.9	3,514	5.2	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.2	1.1%	0.8	2,170	5.1	2,765	6.6	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.3	0.0%	0.8	1,613	0.8	1,410	10.9	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.0	1.3%	1.3	1,982	1.4	3,534	5.4	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.4	1.9%	1.9	1,072	16.8	467	45.7	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.1	0.6%	1.1	1,552	6.5	2,697	6.3	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	32.0	2.2%	1.4	1,977	26.4	1,090	29.4	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.9	-0.3%	1.9	222	3.1	318	53.2	6.8	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.8	0.9%	1.7	0	0.6	445	26.5	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	62.5	0.8%	1.5	256	4.0	681	91.7	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.6	3.5%	1.4	249	3.5	919	15.9	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	1.3%	2.0	93	1.4	482	24.8	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.2	0.0%	0.7	2,483	0.6	418	139.3	3.4	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.5	-2.0%	1.3	717	3.1	56	345.1	4.8	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.4	0.4%	1.2	264	0.2	6,568	7.2	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	43.4	0.7%	1.6	215	2.1	1,405	30.9	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.8	1.4%	1.9	552	8.3	(2,105)	-10.3	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.2	0.4%	1.3	193	0.1	176	69.6	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	22.9	-0.4%	2.0	248	14.9	(2,655)	-8.6	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.5	-0.2%	0.7	159	0.0	5,309	10.8	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.3	1.0%	1.7	80	0.9	1,482	17.1	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	17.7	0.0%	1.9	1,423	14.3	(295)	-59.9	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	19.8	-0.7%	2.6	499	28.3	(317)	-62.6	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	33.0	1.2%	1.5	184	3.1	2,190	15.0	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	25.1	1.6%	2.4	631	13.9	152	164.9	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	13.6	1.5%	1.7	141	0.4	1,597	8.5	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.0	1.1%	1.5	0	2.7	1,596	11.9	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.4	0.8%	0.7	352	5.6	2,993	8.8	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.3	0.7%	1.3	101	0.1	1,353	22.4	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.1	1.3%	0.9	113	0.1	1,980	11.7	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.3	0.4%	0.8	965	0.3	6,445	8.9	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.8	1.4%	1.7	765	9.0	384	56.7	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	23.9	-0.6%	0.6	284	0.2	2,560	9.3	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.4	-0.9%	1.5	345	1.0	2,739	10.0	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.0	0.9%	1.5	346	1.7	944	28.5	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	0.0%	0.7	186	0.1	636	20.8	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.6	-0.5%	2.5	189	1.7	(79)	-109.1	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	65.0	0.0%	0.5	3,436	0.8	3,518	18.5	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	46.3	0.2%	0.5	0	0.6	4,965	9.3	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	103.0	0.6%	1.0	578	0.7	(327)	-314.7	8.8	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	51.5	2.0%	2.0	355	2.5	2,984	17.3	3.9	23.6%	21.9%
DBC	F&B	25.1	1.6%	1.8	250	11.2	551	45.6	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.8	6.8%	2.2	114	3.5	837	30.9	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.6	0.6%	0.4	151	3.3	1,225	20.9	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.6	1.4%	1.5	162	0.9	2,162	13.7	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	27.7	0.7%	0.6	152	0.5	1,370	20.2	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	36.2	2.1%	1.0	158	4.9	5,742	6.3	1.3	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	90.7	-1.4%	1.1	428	1.0	4,238	21.4	6.3	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	18.2	0.0%	1.1	85	0.6	2,353	7.7	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639